

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140/CBTT-DOBC

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2022

V/v: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm
toán của VACO

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Mã chứng khoán: PXT

Địa chỉ trụ sở chính: 35 G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3835 888 Fax: (0254) 3835 884

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Mai Đình Bảo – Phó giám đốc công ty

Địa chỉ: 35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu

Điện thoại di động: 0903901373 Điện thoại cố định (Cơ quan) : (0254) 3835 888

Fax: (0254) 3835 884

Loại thông tin công bố: bất thường định kỳ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) xin công bố thông tin:

- 1- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- 2- Công văn giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <http://dobc.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố thông tin trên Eoffice
và Website của Công ty;
- Lưu VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 3 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể Chứa Dầu Khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Minh Công	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đức Đạt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Cường	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Hương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Trần Vũ Phụng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Mai Đình Bảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Trần Vũ Phụng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021)
Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đức Long	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2021)
Ông Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Vũ Phụng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Vũ Phương
Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, 25 tháng 03 năm 2022

10/3/2022

Số: 160 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty (dưới đây gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính, nguyên giá tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt bao gồm: giá trị tài sản trên đất với số tiền là 2.829.477.273 VND, giá trị quyền sử dụng đất thuê và giá trị sử dụng dịch vụ trên đất thuê với số tiền là 9.395.704.545 VND của các lô đất tại địa chỉ số 35D và 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và khi Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thuê đã hết thời hạn. Việc chuyển nhượng và ghi nhận như trên là chưa phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan. Việc ghi nhận ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau: làm tăng các chỉ tiêu “Nguyên giá tài sản cố định hữu hình” và “Nguyên giá tài sản cố định vô hình” số tiền tương ứng là 2.829.477.273 VND và 9.395.704.545 VND; làm tăng chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế” của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình số tiền tương ứng là 1.414.738.620 VND và 5.138.552.280 VND; làm giảm chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” số tiền là 6.553.290.900 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 02, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính về giả định hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán số 14/2021/BCKT-PKF.VPHN ngày 16 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến kiểm toán về việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất thuê chưa phù hợp với quy định hiện hành và đoạn nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0043-2022-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, 25 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.623.952.897	305.902.754.310
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.514.943.400	2.438.028.707
1. Tiền	111		3.514.943.400	2.438.028.707
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.149.316.189	233.723.789.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	189.968.422.486	226.643.547.107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.073.598.569	3.014.342.361
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	35.846.547.253	35.805.152.339
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(31.739.252.118)	(31.739.252.118)
III. Hàng tồn kho	140	8	64.350.951.120	66.135.449.094
1. Hàng tồn kho	141		75.175.553.070	77.002.595.526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.824.601.950)	(10.867.146.432)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.608.742.188	3.605.486.820
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	15.815.834	39.758.379
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.393.341.937	3.366.144.024
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	199.584.417	199.584.417
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.885.108.101	44.769.016.352
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		56.850.300	56.850.300
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	56.850.300	56.850.300
II. Tài sản cố định	220		40.729.516.829	44.704.741.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	36.472.364.564	39.508.019.099
- Nguyên giá	222		133.195.067.629	140.176.712.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.722.703.065)	(100.668.693.326)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.257.152.265	5.196.722.721
- Nguyên giá	228		9.584.766.545	10.292.766.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.327.614.280)	(5.096.043.824)
III. Tài sản dài hạn khác	260		98.740.972	7.424.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	98.740.972	7.424.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		307.509.060.998	350.671.770.662

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		254.607.708.371	287.236.338.221
I. Nợ ngắn hạn	310		254.190.308.371	286.293.738.221
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	120.753.597.549	126.044.792.377
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	34.696.243.371	29.167.431.157
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	16.678.679.392	16.947.180.599
4. Phải trả người lao động	314		6.726.428.256	8.787.096.668
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	25.810.740.023	36.608.106.545
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.913.337.863	19.314.159.266
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	31.262.432.179	49.076.121.871
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		348.849.738	348.849.738
II. Nợ dài hạn	330		417.400.000	942.600.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	417.400.000	942.600.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.901.352.627	63.435.432.441
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	52.901.352.627	63.435.432.441
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150.826.415	150.826.415
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.984.594.051	14.984.594.051
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(162.234.067.839)	(151.699.988.025)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(151.699.988.025)	(133.683.423.654)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10.534.079.814)	(18.016.564.371)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		307.509.060.998	350.671.770.662

Phạm Thị Thêu
 Người lập biểu

Đàm Quang Hưng
 Phụ trách Phòng TC - KT



Trần Vũ Phương
 Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25/03/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	33.270.382.025	72.077.142.447
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	22	33.270.382.025	72.077.142.447
3. Giá vốn hàng bán	11	23	28.063.899.103	72.920.432.882
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.206.482.922	(843.290.435)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		51.047.045	55.849.048
6. Chi phí tài chính	22	25	4.584.864.939	5.283.889.511
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.584.864.939	5.283.889.511
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.881.739.035	11.669.621.834
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-26}	30		(11.209.074.007)	(17.740.952.732)
9. Thu nhập khác	31	27	1.859.088.547	1.477.255.245
10. Chi phí khác	32	28	1.184.094.354	1.752.866.884
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		674.994.193	(275.611.639)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10.534.079.814)	(18.016.564.371)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(10.534.079.814)	(18.016.564.371)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(527)	(901)



Phạm Thị Thêu
 Người lập biểu



Đàm Quang Hưng
 Phụ trách Phòng TC - KT

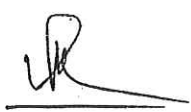


Trần Vũ Phương
 Giám đốc
 Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25/03/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10.534.079.814)	(18.016.564.371)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.975.224.991	4.626.060.775
- Các khoản dự phòng	03	(42.544.482)	(4.124.631.875)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.731.515.540)	(560.141.384)
- Chi phí lãi vay	06	4.584.864.939	5.283.889.511
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.748.049.906)	(12.791.387.344)
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	38.547.560.911	(6.872.771.447)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10	1.827.042.456	(6.586.187.379)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.625.601.970)	25.349.909.132
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(67.374.195)	152.630.082
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.249.003.127)	(5.129.943.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.684.574.169	(5.877.750.705)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(4.771.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.680.468.495	2.693.990.218
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.761.721	55.849.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.731.230.216	2.745.068.266
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	24.601.891.745	46.505.911.611
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(42.940.781.437)	(43.536.758.568)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(339.200.687)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.338.889.692)	2.629.952.356
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.076.914.693	(502.730.083)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.438.028.707	2.940.758.790
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	3.514.943.400	2.438.028.707



Phạm Thị Thêu
 Người lập biểu



Đàm Quang Hưng
 Phụ trách Phòng TC - KT



Trần Vũ Phụng
 Giám đốc
 Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25/03/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Đường Ống Bồn bể Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT-TCT ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 963/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3500833615 được cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2021 là 108 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 219 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công các công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, dẫn xăng, dẫn dầu, dẫn nước; Thi công các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hóa lỏng. Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư, xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan; Đầu tư, xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác; Lắp đặt hệ thống điện lạnh, điều hòa trung tâm cho các công trình nhà cao tầng dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt hệ thống thiết bị điện công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và trạm đến 35kV, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (Trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa phương tiện vận tải thủy (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện).
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Chế tạo các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ (không hoạt động tại trụ sở).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa, chống ăn mòn các công trình dầu khí (ngoài biển và đất liền), các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình cảng sông, cảng biển; các công trình dầu khí (ngoài biển và đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình công nghiệp khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh đô thị, văn phòng, siêu thị và nhà ở. Kinh doanh cảng sông, cảng biển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Đầu tư, xây dựng các khu công nghiệp; Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Đầu tư, khai thác mỏ (cát, đá,...).
- Đóng tàu và cấu kiện nổi: Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất; Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán vật tư thiết bị; Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, thương mại.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê thiết bị xe máy.
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế điện, điều khiển thông tin liên lạc, thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển và các công trình công nghiệp khác.

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công các công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, dẫn xăng, dẫn dầu, dẫn nước; Thi công các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hóa lỏng. Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư, xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan; Đầu tư, xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí - Xí nghiệp Xây lắp số 1	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí - Xí nghiệp Xây lắp số 2	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí - Xí nghiệp Xây lắp số 3	35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí - Xí nghiệp Xây lắp số 5 (*)	01 Phạm Văn Nghị, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc (Tiếp theo):

(*) Theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty, Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể Chứa Dầu Khí - Xí nghiệp Xây lắp số 5 đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản nợ phải trả ngắn hạn đã quá hạn thanh toán với giá trị là 104.493.093.154 VND (xem thuyết minh số 13). Đồng thời, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 162.234.067.839 VND, chiếm 78,5% vốn góp của chủ sở hữu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 151.699.988.025 VND, chiếm 76% vốn góp của chủ sở hữu), trong đó khoản lỗ phát sinh trong năm 2021 là 10.534.079.814 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và đang tích cực đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, xin gia hạn các khoản nợ đến hạn trả, đồng thời đang lên kế hoạch kinh doanh trong năm tới. Ban Giám đốc tin tưởng tình hình kinh doanh sẽ khả quan hơn trong thời gian tới, nên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác: Các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính: Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng không quá 05 năm.

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP PVI	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	Thành viên cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu khí Vũng Tàu	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE (PVE-SC)	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí Vũng tàu	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Hóa Phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Thành viên cùng Tập đoàn
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thành viên cùng Tập đoàn
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	29.351.262	472.831.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.485.592.138	1.965.197.524
Cộng	3.514.943.400	2.438.028.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Phải thu của khách hàng là bên liên quan	80.475.516.447	117.701.249.672
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	60.665.768.863	66.340.778.070
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	16.940.395.956	22.200.470.858
Công ty CP Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	-	19.286.303.658
Chi nhánh Công ty CP Phân bón Dầu Khí Cà Mau	-	4.420.033.458
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (i)	16.610.222	2.600.922.222
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.578.501.538	1.578.501.538
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	1.062.727.230
Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội	149.346.035	149.346.035
Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	62.166.603
	109.492.906.039	108.942.297.435
b) Phải thu của khách hàng khác	107.038.842.394	105.565.928.101
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (i)	2.454.063.645	3.376.369.334
Các khách hàng khác	189.968.422.486	226.643.547.107
Cộng	189.968.422.486	226.643.547.107

- (i) Như đã trình bày ở thuyết minh số 18, quyền đòi nợ từ các khoản phải thu được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Lực Duyên Hà	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Cơ Khí Xây Dựng Thương	326.480.000	326.480.000
Mại Quang Minh	1.047.118.569	987.862.361
Các đối tượng khác	3.073.598.569	3.014.342.361
Cộng	3.073.598.569	3.014.342.361

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	35.846.547.253	(26.476.512.026)	35.805.152.339	(26.476.512.026)
a1) Bên liên quan	26.476.512.026	(26.476.512.026)	26.476.512.026	(26.476.512.026)
Công ty CP Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	62.118.449	(62.118.449)	62.118.449	(62.118.449)
a2) Đối tượng khác	9.370.035.227	-	9.328.640.313	-
- Tạm ứng nhân viên	2.126.632.824	-	1.305.820.648	-
- Phải thu khác	5.735.876.024	-	6.026.506.552	-
- Ký quỹ, ký cược	1.507.526.379	-	1.996.313.113	-
b) Phải thu khác dài hạn	56.850.300	-	56.850.300	-
Ký cược, ký quỹ	56.850.300	-	56.850.300	-
Cộng	35.903.397.553	(26.476.512.026)	35.862.002.639	(26.476.512.026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	962.241.567	(525.901.148)	1.060.609.722	(525.901.148)
Công cụ, dụng cụ	1.351.953.613	(126.922.432)	1.424.790.983	(126.922.432)
Chi phí SXKD dở dang	72.861.357.890	(10.171.778.370)	74.517.194.821	(10.214.322.852)
Cộng	75.175.553.070	(10.824.601.950)	77.002.595.526	(10.867.146.432)

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là giá trị chi phí thực tế phát sinh của các công trình xây lắp còn dở dang tại 31 tháng 12 năm 2021.

Số hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho trong năm nay là 42.544.482 VND (năm trước trích dự phòng là 788.563.691 VND)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.815.834	39.758.379
Các khoản khác	15.815.834	39.758.379
b) Dài hạn	98.740.972	7.424.232
Chi phí sửa chữa	79.547.108	-
Các khoản khác	19.193.864	7.424.232
Cộng	114.556.806	47.182.611

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÓNG BÊ CHỨA DẦU KHÍ
35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu Khí	26.414.393.577	-	(26.414.393.577)	-
Ban quản lý Dự án huyện Côn Đảo	1.420.510.209	159.737.127	(1.260.773.082)	159.737.127
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp	1.062.727.230	-	(1.062.727.230)	-
Dầu khí Sài Gòn	149.346.035	-	(149.346.035)	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp				
Dầu khí Hà Nội	2.852.012.194	-	(2.852.012.194)	-
Các đối tượng khác	31.898.989.245	159.737.127	(31.739.252.118)	159.737.127
Cộng				(2.852.012.194)
				(31.739.252.118)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÔNG BÈ CHỨA DẦU KHÍ35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	53.495.246.908	43.372.669.871	42.673.808.040	634.987.606	140.176.712.425
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.701.697.636)	(279.947.160)	-	(6.981.644.796)
Số dư cuối năm	53.495.246.908	36.670.972.235	42.393.860.880	634.987.606	133.195.067.629
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	17.014.718.986	41.159.845.262	41.894.234.269	599.894.809	100.668.693.326
- Khấu hao trong năm	1.447.403.601	993.686.449	564.446.789	30.117.696	3.035.654.535
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.701.697.636)	(279.947.160)	-	(6.981.644.796)
Số dư cuối năm	18.462.122.587	35.451.834.075	42.178.733.898	630.012.505	96.722.703.065
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	36.480.527.922	2.212.824.609	779.573.771	35.092.797	39.508.019.099
Tại ngày cuối năm	35.033.124.321	1.219.138.160	215.126.982	4.975.101	36.472.364.564

Tài sản cố định hữu hình trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm giá trị tài sản trên đất tại lô đất ở địa chỉ 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 2.829.477.273 VND và 1.414.738.620 VND có nguồn gốc từ việc chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hạn. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn thời gian thuê đất và sang tên cho Công ty Quyền sử dụng đất của lô đất nêu trên. Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên Ban Giám đốc Công ty chưa đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 31 tháng 12 năm 2021 là 80.705.655.480 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 83.456.706.546 VND).

Một số tài sản cố định là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	9.395.704.545	897.062.000	10.292.766.545
- Giảm do thanh lý	-	(708.000.000)	(708.000.000)
Số dư cuối năm	<u>9.395.704.545</u>	<u>189.062.000</u>	<u>9.584.766.545</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.198.981.824	897.062.000	5.096.043.824
- Khấu hao trong năm	939.570.456	-	939.570.456
- Giảm do thanh lý	-	(708.000.000)	(708.000.000)
Số dư cuối năm	<u>5.138.552.280</u>	<u>189.062.000</u>	<u>5.327.614.280</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			-
Tại ngày đầu năm	<u>5.196.722.721</u>	-	<u>5.196.722.721</u>
Tại ngày cuối năm	<u>4.257.152.265</u>	-	<u>4.257.152.265</u>

Tài sản cố định vô hình trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất thuê tại các lô đất ở địa chỉ 35D và 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với tổng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 9.395.704.545 VND và 5.138.552.280 VND có nguồn gốc từ việc chuyển nhượng từ một bên thứ ba không phải là chủ sử dụng đất thuê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết thời hạn. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Thời gian khấu hao là thời gian thuê đất dự kiến sau khi hoàn tất thủ tục gia hạn thời gian thuê đất với UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng thời gian khấu hao của Quyền sử dụng đất là phù hợp.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn thời gian thuê và sang tên cho Công ty quyền sử dụng đất của hai lô đất trên, đồng thời, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vấn đề nêu trên nên Công ty chưa đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 31 tháng 12 năm 2021 là 189.062.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 897.062.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ VND
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	53.612.405.608	53.612.405.608	54.825.891.088	54.825.891.088	150.700.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.700.000	150.700.000	150.700.000	150.700.000	936.295.036
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	936.295.036	936.295.036	936.295.036	936.295.036	
Công ty CP Xây Dựng Công nghiệp Và Dân dụng Dầu khí	8.136.367.321	8.136.367.321	8.136.367.321	8.136.367.321	8.136.367.321
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	88.545.941	88.545.941	88.545.941	88.545.941	88.545.941
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	462.338.380	462.338.380	462.338.380	462.338.380	462.338.380
Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)	33.245.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000
Chi nhánh Công ty CP Dầu tư Hạ Tầng và Đô Thị Dầu khí	3.402.150.671	3.402.150.671	3.402.150.671	3.402.150.671	3.402.150.671
Công ty CP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu khí Vũng Tàu	1.697.424.212	1.697.424.212	1.697.424.212	1.697.424.212	1.697.424.212
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.579.741.998	1.579.741.998	1.579.741.998	1.579.741.998	1.579.741.998
Công ty CP Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE (PVE-SC)	132.181.490	132.181.490	142.181.490	142.181.490	142.181.490
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí Vũng tàu	37.700.000	37.700.000	37.700.000	37.700.000	37.700.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	1.186.039	1.186.039	1.186.039	1.186.039	1.186.039
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	5.755.000	5.755.000	5.755.000	5.755.000	5.755.000
Công ty CP Hóa Phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	3.737.019.520	3.737.019.520	4.720.505.000	4.720.505.000	4.720.505.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	-	220.000.000	220.000.000	220.000.000
b) Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng khác	67.141.191.941	67.141.191.941	71.218.901.289	71.218.901.289	71.218.901.289
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng FECON	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220
Công ty CP xây lắp Dầu khí 2	4.629.966.337	4.629.966.337	4.629.966.337	4.629.966.337	4.629.966.337
Đối tượng khác	56.321.700.384	56.321.700.384	60.399.409.732	60.399.409.732	60.399.409.732
Cộng	120.753.597.549	120.753.597.549	126.044.792.377	126.044.792.377	126.044.792.377

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÓNG BÈ CHỨA DẦU KHÍ
 35G Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số quá hạn thanh toán VND	Giá trị VND	Số quá hạn thanh toán VND
Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim JSC)	33.245.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng FECON	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220
Công ty CP xây lắp Dầu khí 2	4.629.966.337	4.629.966.337	4.629.966.337	4.629.966.337
Công ty CP Cấp điện và Hệ thống LS - Vina	3.515.637.122	3.515.637.122	3.515.637.122	3.515.637.122
Chi nhánh Công ty CP Dầu tư Hạ Tầng và Đô Thị Dầu Khí	3.402.150.671	3.402.150.671	3.402.150.671	3.402.150.671
Đối tượng khác	53.510.813.804	53.510.813.804	61.134.181.681	61.134.181.681
Cộng	104.493.093.154	104.493.093.154	112.116.461.031	112.116.461.031



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.584.417	-	-	199.584.417
Cộng	199.584.417	-	-	199.584.417
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	15.428.613.746	95.864.002	600.000.000	14.924.477.748
Thuế thu nhập cá nhân	228.600.452	117.202.694	9.997.805	335.805.341
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	477.285.730	145.929.246	18.499.344	604.715.632
Các loại thuế khác	812.680.671	1.000.000	-	813.680.671
Cộng	16.947.180.599	359.995.942	628.497.149	16.678.679.392

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Người mua trả tiền trước là bên liên quan	33.870.482.141	26.335.535.278
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	33.870.482.141	25.366.722.108
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	968.813.170
b) Người mua trả tiền trước là đối tượng khác	825.761.230	2.831.895.879
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	-	1.361.614.380
Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến (Momo)	728.197.230	728.197.230
Đối tượng khác	97.564.000	742.084.269
Cộng	34.696.243.371	29.167.431.157

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thi công công trình	22.225.706.680	33.341.040.217
Chi phí lãi vay phải trả	301.180.698	153.945.762
Các khoản khác	3.283.852.645	3.113.120.566
Cộng	25.810.740.023	36.608.106.545

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan	13.000.000	2.597.312.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.000.000	13.000.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	2.584.312.000
b) Phải trả ngắn hạn khác là đối tượng khác	17.900.337.863	16.716.847.266
- Kinh phí công đoàn	1.844.366.594	1.819.227.423
- Bảo hiểm xã hội	6.443.267.569	6.164.670.534
- Bảo hiểm y tế	691.259.201	465.281.609
- Bảo hiểm thất nghiệp	210.956.866	163.380.548
- Các khoản phải trả khác	8.710.487.633	8.104.287.152
Cộng	17.913.337.863	19.314.159.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Bà Rịa Vũng Tàu (i)	49.076.121.871	49.076.121.871	25.127.091.745	42.940.781.437	31.262.432.179	31.262.432.179
Bà Trần Thị Tuyết (ii)	46.714.312.055	46.714.312.055	24.554.891.745	42.397.681.533	28.871.522.267	28.871.522.267
Ông Ngô Sỹ Long	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hải (iii)	36.000.000	36.000.000	-	36.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Mai (iv)	-	-	35.500.000	-	35.500.000	35.500.000
	-	-	11.500.000	-	11.500.000	11.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Bà Rịa Vũng Tàu (v)	525.809.816	525.809.816	525.200.000	507.099.904	543.909.912	543.909.912
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Bà Rịa Vũng Tàu (v)	942.600.000	942.600.000	-	525.200.000	417.400.000	417.400.000
	942.600.000	942.600.000	-	525.200.000	417.400.000	417.400.000
Cộng	50.018.721.871	50.018.721.871	25.127.091.745	43.465.981.437	31.679.832.179	31.679.832.179

(i) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 019/21/HĐHM-9232 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/019/21/HĐHM-9232 ngày 25 tháng 02 năm 2021 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Hạn mức cho vay là 70 tỷ VND, với thời gian tối đa của mỗi khoản vay theo từng lần giải ngân trong hạn mức không vượt quá 12 tháng, lãi suất được xác định theo từng Khế ước nhận nợ.
- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 020/21/HĐHM-9232 ngày 25 tháng 02 năm 2021 với hạn mức thấu chi là 6 tỷ VND với mục đích thanh toán chi phí lương cho cán bộ nhân viên thuộc các bộ phận gián tiếp: Khối Văn phòng, Ban điều hành dự án của công ty, Bộ phận bảo vệ, Kho, Tô xe, Bếp ăn, Tô sửa chữa,... Thời hạn hạn mức thấu chi đến hết ngày 25 tháng 02 năm 2022.

Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ các khoản phải thu hình thành trong tương lai của Công ty đối với Chủ đầu tư các dự án do Công ty thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY (TIẾP THEO)

- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Bà Trần Thị Tuyết theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2020-HĐVV/DOBC-TTT ngày 03 tháng 03 năm 2020 và hợp đồng cho vay vốn số 02/2020-HĐVV/DOBC-TTT ngày 10 tháng 03 năm 2020 với số tiền gốc vay lần lượt là 700.000.000 VND và 1.100.000.000. Thời hạn vay của từng hợp đồng là 3 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất vay là 12%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, vay dưới hình thức tín chấp. Đến nay, hợp đồng này vẫn chưa có phụ lục gia hạn.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ bà Nguyễn Thị Thu Hải theo hợp đồng vay số 01/2021-HĐVV/DOBC ngày 9 tháng 7 năm 2021, số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 09 tháng 7 năm 2021 đến ngày 08 tháng 7 năm 2022, lãi suất vay 0%, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, vay dưới hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn từ bà Nguyễn Thị Mai theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2021-HĐVV/DOBC-NTM ngày 4 tháng 10 năm 2021, số tiền gốc vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 04 tháng 10 năm 2021 đến ngày 03 tháng 10 năm 2022, lãi suất vay 0%, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, vay dưới hình thức tín chấp.
- (v) Vay dài hạn theo hợp đồng vay số 098/17/HĐCV - 9232 ngày 23 tháng 6 năm 2017. Thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất quy định tại từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để đầu tư mua máy móc thiết bị. Tài sản đảm bảo được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 124/17/HĐTC-9232 ngày 23 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng thế chấp số 125/17/HĐTC-9232 ngày 23 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(133.683.423.654)	81.451.996.812
Lỗ trong năm	-	-	-	(18.016.564.371)	(18.016.564.371)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(151.699.988.025)	63.435.432.441
Lỗ trong năm	-	-	-	(10.534.079.814)	(10.534.079.814)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(162.234.067.839)	52.901.352.627

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai ngày 13 tháng 11 năm 2020, Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp			Vốn đã góp		
	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ
Tổng Công ty CP Xây lập Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51%	51%	102.000.000.000	102.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	49%	98.000.000.000	98.000.000.000	49%
Tổng cộng	200.000.000.000	100%	100%	200.000.000.000	200.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ USD	492,37	492,37

21. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là xây lắp trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

22. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây lắp	29.443.436.319	69.029.375.074
Doanh thu khác	3.826.945.706	3.047.767.373
Cộng	33.270.382.025	72.077.142.447
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan		
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	289.135.088	809.742.308
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	12.857.871.815	7.778.185.996
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	4.420.033.458
- Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	45.640.172.970
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.270.382.025	72.077.142.447

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	26.411.911.554	70.955.478.230
Giá vốn khác	1.651.987.549	1.176.390.961
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	788.563.691
Cộng	28.063.899.103	72.920.432.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.003.931.684	2.890.686.136
Chi phí nhân công	23.959.843.512	26.544.178.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.915.547.479	4.626.060.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.757.931.069	19.421.709.724
Chi phí dự phòng	-	(4.124.631.875)
Chi phí khác	5.348.749.473	5.105.685.439
Cộng	<u>43.986.003.217</u>	<u>54.463.688.420</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.584.864.939	5.283.889.511
Cộng	<u>4.584.864.939</u>	<u>5.283.889.511</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.348.832.603	10.110.912.809
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.879.825	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.276.633.659	1.409.757.325
Thuế, phí và lệ phí	1.524.560.231	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.360.265.211	3.304.259.239
Hoàn nhập dự phòng	-	(4.913.195.566)
Các khoản chi phí QLDN khác	331.567.506	1.757.888.027
Cộng	<u>11.881.739.035</u>	<u>11.669.621.834</u>

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.680.468.495	504.292.336
Các khoản khác	178.620.052	972.962.909
Cộng	<u>1.859.088.547</u>	<u>1.477.255.245</u>

28. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.184.094.354	1.752.866.884
Cộng	<u>1.184.094.354</u>	<u>1.752.866.884</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(10.534.079.814)	(18.016.564.371)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	-	8.838.718.369
<i>Cộng: Các khoản bị phạt</i>	1.184.094.354	1.494.169.902
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(9.349.985.460)	(7.683.676.100)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty chưa tính tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ còn được chuyển do khả năng có lãi trong tương lai là chưa chắc chắn.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.534.079.814)	(18.016.564.371)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(10.534.079.814)	(18.016.564.371)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(527)	(901)

31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Căn cứ Báo cáo tình hình công nợ số 197/BC-PETROLAND ngày 14 tháng 03 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland), Công ty đang có khoản công nợ phải trả tiềm tàng với Petroland với số tiền 15.606.998.071 VND, trong đó, tiền phí quản lý tài sản là 2.108.837.500 VND và tiền phạt chậm thanh toán công nợ là 13.498.160.571 VND. Đến ngày 26 tháng 03 năm 2019, Công ty có báo cáo phản hồi về việc công nợ trên theo Báo cáo công nợ số 195/BC-DOBC với nội dung yêu cầu bồi thường liên quan đến hợp đồng 145/PVC-PT-PETROLAND ngày 21 tháng 12 năm 2010 vì lý do chậm trễ trong việc bàn giao Giấy chứng quyền sở hữu tầng 6 cho Công ty đến hết tháng 02 năm 2019 tạm tính là 20.305.063.352 VND nên Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng Công ty sẽ không phải trả khoản công nợ tiềm tàng này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang phối hợp làm việc với Petroland và chưa ghi nhận bất kỳ khoản công nợ phải thu/phải trả nào liên quan đến vấn đề này.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.514.943.400	2.438.028.707
Phải thu khách hàng và phải thu khác	223.745.187.215	261.142.878.798
	227.260.130.615	263.580.907.505
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	31.679.832.179	50.018.721.871
Phải trả người bán và phải trả khác	129.477.085.182	136.746.391.529
Chi phí phải trả	25.810.740.023	36.608.106.545
	186.967.657.384	223.373.219.945

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán như trình bày tại thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.514.943.400	-	3.514.943.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	223.688.336.915	56.850.300	223.745.187.215
Cộng	227.203.280.315	56.850.300	227.260.130.615
Số cuối năm			
Các khoản vay	31.262.432.179	417.400.000	31.679.832.179
Phải trả người bán và phải trả khác	129.477.085.182	-	129.477.085.182
Chi phí phải trả	25.810.740.023	-	25.810.740.023
Cộng	186.550.257.384	417.400.000	186.967.657.384
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.653.022.931	(360.549.700)	40.292.473.231
Số đầu năm (Trình bày lại)			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.438.028.707	-	2.438.028.707
Phải thu khách hàng và phải thu khác	261.086.028.498	56.850.300	261.142.878.798
Cộng	263.524.057.205	56.850.300	263.580.907.505
Số đầu năm (Trình bày lại)			
Các khoản vay	49.076.121.871	942.600.000	50.018.721.871
Phải trả người bán và phải trả khác	136.746.391.529	-	136.746.391.529
Chi phí phải trả	36.608.106.545	-	36.608.106.545
Cộng	222.430.619.945	942.600.000	223.373.219.945
Chênh lệch thanh khoản thuần	41.093.437.260	(885.749.700)	40.207.687.560

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 5, 7, 10, 13, 15, 17, 19 và 22 trong năm, Công ty còn các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Thu tiền bán hàng	-	11.200.000.000
Phải thu khách hàng	5.000.000	890.000.000
Mua hàng	10.000.000	361.748.206
Bù trừ công nợ	-	1.686.478.697
Nhận hỗ trợ	-	66.000.000
Chi hộ	-	16.000.000
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí		
Phải thu khách hàng	-	8.556.004.595
Thu tiền bán hàng	-	7.631.408.792
Mua hàng		22.374.000
Bù trừ công nợ		366.764.333
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau		
Thu tiền bán hàng	-	705.848.753
Phải thu khách hàng	-	4.420.033.458
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí		
Phải trả tiền sử dụng đất thuê	804.659.104	821.383.186
Công ty CP PVI		
Mua bảo hiểm	8.707.170	62.034.374
Thanh toán tiền hàng	-	62.515.074
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình		
Mua hàng	-	25.658.000
Thanh toán tiền hàng	-	3.861.000
Bù trừ công nợ	-	40.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam		
Mua hàng	-	522.968.820
Thanh toán tiền hàng	-	100.000.000
Công ty CP Bọc ống Dầu khí Việt Nam		
Mua hàng	-	941.077.500
Thanh toán tiền hàng	-	941.077.500
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu		
Mua hàng	-	321.581.000
Thanh toán tiền hàng	-	315.826.000
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn		
Phải thu khách hàng	-	50.204.190.268
Thu tiền bán hàng	-	30.917.886.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc

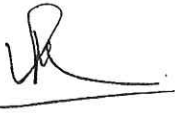
Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:


STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
			278.834.463	424.030.334
I.	Hội đồng Quản trị			
1.	Vũ Minh Công	Chủ tịch	214.334.463	125.081.389
2.	Phạm Cương	Thành viên	32.250.000	32.500.000
3.	Nguyễn Văn Hương	Thành viên	32.250.000	67.200.000
4.	Trần Quang Ngọc	Thành viên	-	105.229.131
5.	Trần Mạnh Dũng	Thành viên	-	94.019.814
			585.767.826	783.086.249
II.	Ban Giám đốc			
1.	Trần Vũ Phụng	Giám đốc	214.034.463	101.029.027
2.	Nguyễn Đức Đạt	Giám đốc	-	89.863.836
3.	Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc	190.494.700	199.630.307
4.	Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc	181.238.663	195.927.891
5.	Nguyễn Minh Ngọc	Phó Giám đốc	-	163.798.685
6.	Nguyễn Tri Hòa	Phó Giám đốc	-	32.836.503
			864.602.289	1.207.116.583


Cộng

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.


 Phạm Thị Thêu
 Người lập biểu


 Đàm Quang Hưng
 Phụ trách Phòng TC - KT


 Trần Vũ Phụng
 Giám đốc
 Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25/03/2022

